

PHỤ LỤC
BÁO CÁO SƠ KẾT 05 NĂM THỰC HIỆN CHỈ THỊ SỐ 37-CT/TW NGÀY
03/9/2019 CỦA BAN BÍ THƯ VÀ QUYẾT ĐỊNH SỐ 416/QĐ-TTG NGÀY
25/3/2020 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ
(Kèm theo Báo cáo số 139 /BC-UBND ngày 10/4/2025 của UBND huyện Sơn Hà)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm						
			2019	2020	2021	2022	2023	2024	Quý I/2025
I	DN, HTX đang hoạt động		81	82	83	87	98	102	119
1	Số doanh nghiệp		70	65	67	71	79	79	96
01.1	Số doanh nghiệp nhà nước (DNNN)		0	0	0	0	0	0	0
	- Trong đó: Số DNNN trong KCN								
1.2	Số doanh nghiệp dân doanh	DN	70	65	67	71	79	79	96
	- Trong đó: Số DN dân doanh trong KCN								
1.3	Số doanh nghiệp FDI		0	0	0	0	0	0	0
	- Trong đó: Số DN FDI trong KCN								
1.4	Tỷ lệ doanh nghiệp dưới 10 lao động	%	83.1	86.16	92.5	88.7	89.9	90,19	74,8
1.5	Tỷ lệ doanh nghiệp từ 10 đến dưới 50 lao động	%	13.8	12.3	4.5	7.0	6.3	6.3	25,2
2	Số hợp tác xã	HTX	11	17	17	16	19	23	23
3	Số KCN, KKT, KCX đang hoạt động	KCN							
II	Lao động trong các DN, HTX đang hoạt động		510	516	604	773	835	855	1077
1	Số lao động trong doanh nghiệp		417	392	467	665	697	697	768
1.1	Số lao động (LĐ) trong DNNN								
	- Trong đó: Số LĐ trong DNNN trong KCN								
1.2	Số lao động trong DN dân doanh	Người	417	392	467	665	697	697	697
	- Trong đó: Số LĐ trong DN dân doanh trong KCN								
1.3	Số lao động trong DN FDI								
	- Trong đó: Số LĐ trong DN FDI trong KCN								
2	Số lao động trong các hợp tác xã	Người	93	124	137	118	138	158	309
III	Tổ chức CĐCS trong DN, HTX		0	0	0	0	1	1	0
1	Số tổ chức CĐCS trong DNNN	tổ chức	0	0	0	0	0	0	0
2	Số tổ chức CĐCS trong DN dân doanh		0	0	0	0	1	1	0
3	Số tổ chức CĐCS trong DN FDI								
4	Số đoàn viên CĐ trong các loại hình DN	người	0	0	0	0	115	115	0
5	Số tổ chức CĐCS trong HTX	tổ chức	0	0	0	0	0	0	0

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm						
			2019	2020	2021	2022	2023	2024	Quý I/2025
6	Số đoàn viên CĐ trong các HTX	người	0	0	0	0	0	0	0
IV	Tình hình thực hiện một số quy định của pháp luật lao động								
1	Số DN đăng ký nội quy lao động		70	65	67	71	79	79	96
2	Số DN có tháng lương, bảng lương		81	82	83	87	98	102	119
3	Tiền lương bình quân của người lao động (NLĐ) trong DN, HTX								
3.1	Tiền lương bình quân của NLĐ trong DN								
	Trong đó: - Ở DNNN								
	- Ở DNDD		3,7	4,3	5,2	6,3	7,0	7,0	7,0
	- Ở DN FDI								
3.2	Tiền lương bình quân của NLĐ trong HTX		3,2	4,0	4,8	5,6	6,2	6,5	6,8
4	Đối thoại, thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở trong DN	DN							
4.1	Số DN có Quy chế dân chủ cơ sở	DN	81	82	83	87	98	102	119
4.2	Số DN tổ chức đối thoại tại nơi làm việc	DN	13	19	19	18	21	21	21
	Trong đó: - Số DN tổ chức đối thoại định kỳ	DN							
	- Số DN tổ chức đối thoại khi có yêu cầu của một hoặc các bên	DN							
	- Số DN tổ chức đối thoại vụ việc.	DN							
5	Số thỏa ước lao động tập thể (TULĐTT) đã ký kết		70	65	67	71	79	79	79
	Số TULĐTT doanh nghiệp	bản							
	Số TULĐTT ngành	bản							
	Số TULĐTT nhiều doanh nghiệp	bản							
6	Tranh chấp lao động (TCLĐ), đình công								
	Số cuộc TCLĐ cá nhân	cuộc	0	0	0	0	0	0	0
	Số cuộc TCLĐ tập thể về lợi ích	cuộc	0	0	0	0	0	0	0
	Số cuộc TCLĐ tập thể về quyền	cuộc	0	0	0	0	0	0	0
	Số cuộc đình công	cuộc	0	0	0	0	0	0	0
7	Tỷ lệ công nhân KCN được bố trí ở theo các dự án nhà ở công nhân KCN so với nhu cầu nhà ở của công nhân	%							

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm						
			2019	2020	2021	2022	2023	2024	Quý I/2025
	KCN trên địa bàn								
V	Số công chức thực hiện được bố trí làm công tác quan hệ lao động (QHLĐ), tiền lương ở địa phương								
1	Số công chức của Sở Nội vụ								
2	Số công chức của BQLKCN								
3	Số công chức các Phòng Nội vụ cấp huyện	người	1	1	1	1	1	1	1
4	CQ khác								
VI	Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật lao động								
1	Số lượt NLĐ được tuyên truyền, phổ biến pháp luật lao động	người	484	489	563	708	760	777	777
2	Số lượt người sử dụng lao động được tuyên truyền, phổ biến pháp luật lao động	người	81	82	83	87	98	102	102
3	Kinh phí thực hiện	triệu đồng							
VII	Công tác thanh tra, kiểm tra pháp luật lao động								
	Số công chức làm công tác thanh tra pháp luật lao động	người	0	0	0	0	0	0	0
	<i>Trong đó: Số thanh tra viên lao động</i>		0	0	0	0	0	0	0
	Số DN được thanh tra	DN							
	Số DN được kiểm tra	DN	01	0	0	02	0	0	0
	Số DN tự kiểm tra (qua phiếu tự kiểm tra)	DN	0	0	0	0	0	0	0
	Số DN bị xử lý vi phạm pháp luật lao động	DN	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng số kiến nghị xử lý	kiến nghị	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng số quyết định xử phạt	quyết định	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng số tiền xử phạt	triệu đồng	0	0	0	0	0	0	0
VIII	Kiến toàn hòa giải viên lao động (HGVLD), Hội đồng trọng tài lao động (HĐTTLD)								
1	Hòa giải viên lao động								
1.1	Số HGVLD được bổ nhiệm đang hoạt động	Người	04	04	04	04	04	04	04

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm						
			2019	2020	2021	2022	2023	2024	Quý I/2025
1.2	Số cuộc TCLĐ được HGVLD hòa giải thành	Cuộc	0	0	0	0	0	0	0
	<i>Trong đó: - Số cuộc TCLĐ cá nhân hòa giải thành</i>								
	<i>- Số cuộc TCLĐ tập thể về lợi ích hòa giải thành</i>								
	<i>- Số cuộc TCLĐ tập thể về quyền hòa giải thành</i>								
2	Thành lập HĐTTLD (đánh dấu X vào năm thành lập, nêu rõ Quyết định thành lập HĐTTLD)		0	0	0	0	0	0	0

Ghi chú: - Số liệu năm 2019 tính đến hết ngày 31/03/2025 (quý I/2025).